

Số: 75 /SGDDĐT-TCCB

Hải Phòng, ngày 09 tháng 01 năm 2020

V/v đăng ký thi thăng hạng
chức danh nghề nghiệp giáo viên
mầm non, phổ thông công lập

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Thực hiện Công văn số 5752/UBND-KSTTHC ngày 17/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3125/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 23/7/2019; theo đó giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng đề án, tổng hợp danh sách thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên đối với lĩnh vực quản lý; triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan về kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng, để có cơ sở căn cứ xây dựng đề án tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II; thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II; thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II (theo quy định, các chức danh này tương đương cán sự, chuyên viên), Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo, xem xét giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Công văn đề nghị cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký (**Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký Công văn và danh sách tổng hợp**)
2. Báo cáo danh mục, số lượng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo Đề án vị trí việc làm của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (mẫu 01)
3. Lập danh sách và hồ sơ viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II; thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II; thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II. (mẫu 02 đến mẫu 06)
4. Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp: thực hiện theo quy

định tại Điều 9; Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ, cụ thể hồ sơ cá nhân đăng ký gồm:

4.1. Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. *(gửi kèm mẫu)*

4.2. Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ. *(gửi kèm mẫu)*

4.3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức trong đó có nhận xét kết quả đánh giá viên chức 03 năm học 2016 – 2017; 2017 – 2018; 2018 - 2019 do Hiệu trưởng ký. Bản nhận xét, đánh giá có đánh giá công chức, viên chức 03 năm 2016 – 2017; 2017 – 2018; 2018 – 2019 đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ký. *(có mẫu)*

4.4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký được cơ quan có thẩm quyền chứng thực bao gồm: văn bằng chuyên môn nghiệp vụ, chứng chỉ Tin học, chứng chỉ Ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo hạng đăng ký dự thi.

(Chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học theo quy định của từng hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi, nếu chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học tương đương thì việc quy đổi thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT – GDTX ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4.5. Thành tích đạt được: Giấy chứng nhận/quyết định chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Giáo viên dạy giỏi các cấp, giáo viên chủ nhiệm giỏi.

4.6. Bản sao các quyết định: Tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, các quyết định lương thể hiện thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của chức danh nghề nghiệp viên chức đăng ký dự thi, quyết định nâng bậc lương gần nhất.

4.7. Ảnh gồm: 02 ảnh 2x4 và 02 ảnh 4x6.

(Hồ sơ đăng ký dự thi của viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm, có danh mục kèm theo, phải sắp xếp theo đúng thứ tự, đúng thành phần hồ sơ theo thứ tự trên, trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc sắp xếp không đúng, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ trả lại hồ sơ).

5. Điều kiện, nội dung, hình thức thi: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập. *(gửi kèm dự thảo Đề án tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức)*. Đề nghị các đơn vị nghiên cứu cho ý bằng văn bản về nội dung Đề án.

6. Hồ sơ của cơ quan, đơn vị gồm: các văn bản tại mục 1,2,3 của công văn này; hồ sơ cá nhân sắp xếp theo cấp học, theo đăng ký dự thi thăng hạng của từng hạng và theo thứ tự họ tên trong danh sách đề nghị dự thi

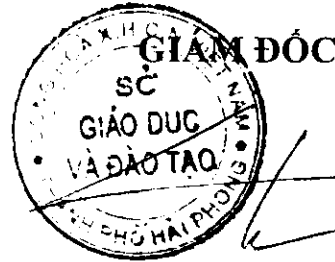
Hồ sơ của các quận huyện gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 15/02/2020** (có lịch thu cụ thể từ 10/02/2020 đến 14/02/2020 gửi kèm) để tổng

hợp vào đề án gửi Sở Nội vụ phê duyệt đồng thời gửi mẫu biểu dưới dạng file excel, phông chữ Times New Roman vào địa chỉ email: tochuccanbohp@gmail.com để tổng hợp.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện; kiểm tra và chịu trách nhiệm về danh sách và hồ sơ của giáo viên đăng ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo (phòng Tổ chức cán bộ, số điện thoại 02253841555) để xem xét giải quyết.

Nơi nhận: Theo

- Như trên;
- Sở Nội vụ;
- Phòng GD&ĐT quận, huyện;
- Lưu: VT, TCCB.



Lê Quốc Tiến

UBND quận, huyện:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Biểu số 01

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SƠ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG HẠNG VIÊN CHỨC NĂM 2019**

(Kèm theo Công văn số 75 /SGDDT-TCCB ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Sở GD&ĐT)

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức				Ghi chú
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức										
1.2.	Giáo viên trung học cơ sở										
1.3	Giáo viên tiểu học										
1.4	Giáo viên mầm non										
	Tổng cộng										

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày tháng năm 2020

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG
CHỨC VÀ DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG IV LÊN HẠNG III

(Kèm theo Công văn số 75 /SGDDT-TCCB ngày 09 tháng 04 năm 2020 của Sở GD&ĐT)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ CDNN hạng IV hoặc hạng CDNN tương đương	Thời gian giữ CDNN Giáo viên mầm non hạng IV	Mức lương hiện hưởng				Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ						Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng GV MN hạng III	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	CSTD cấp cơ sở/GV dạy giỏi cấp trường trở lên		Tin học	Ngoại ngữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Nguyễn Thị A		09/01/1973	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non....	Viên chức quản lý	22 năm	03 năm	4,65	V.07.02.06	Thạc sĩ Sinh	x	Chứng chỉ UDCNTT cơ bản	Chứng chỉ C	CSTD cấp cơ sở năm học 2007-2008; GV dạy giỏi cấp TP			T.Anh	
2	Nguyễn Văn B	20/11/1978		CGV	Trường Mầm non....	GV	16 năm	03 năm	3,99	V.07.02.06	Đại học Sinh	x	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B1	CSTD cấp TP năm 2018 GV dạy giỏi cấp TP		x		
3																			

Danh sách này có.....người

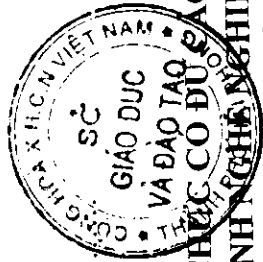
....., ngày, tháng, năm 2020

CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND quận, huyện:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Biểu số 03

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG
CHỨC DANH NHÀ GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG III LÊN HẠNG II
(Kèm theo Công văn số 75 /SGDDĐT-TCCB ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Sở GD&ĐT)

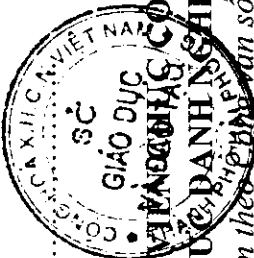
(Kèm theo Công văn số 45 /SGDĐT-TCB ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Sở GDĐT TP.HCM)																					
TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc hạng CDNN tương đương	Thời gian giữ CDNN Giáo viên mầm non hạng III	Mức lương hiện hưởng				Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTD cấp cơ sở/GV cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng GV MN hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)		
1	Nguyễn Thị A		09/01/1973	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non....	Viên chức quản lý	22 năm	03 năm	4,65	V.07.02.05	Thạc sĩ Sinh	x	Chứng chỉ UDCN TT cơ bản	Chứng chỉ C	CSTD cấp cơ sở năm học 2007-2008; GV dạy giỏi cấp TP			T.Anh			
2	Nguyễn Văn B	20/11/1978		CGV	Trường Mầm non....	GV	16 năm	03 năm	3,99	V.07.02.05	Dại học Sinh	x	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B1	CSTD cấp TP năm 2018 GV dạy giỏi cấp TP		x				
3																					

Danh sách này có.....người
NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

....., ngày, tháng, năm 2020

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC ĐẢM BẢO ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG

CHỨC DANH SÁCH CHUYÊN NGHIỆP TỪ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG IV LÊN HẠNG III

(Kèm theo Công văn số 45 /SGDDT-TCCB ngày 09 tháng 04 năm 2020 của Sở GD&ĐT)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ CDNN hạng IV hoặc hạng CDNN tương đương	Thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng IV	Mức lương hiện		Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng GV TH hạng III	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	CSTD cấp cơ sở/GV dạy giỏi/GVCN giỏi/TPT giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi			Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Hệ số lương								Tin học	Ngoại ngữ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)		
1	Nguyễn Thị A		09/01/1973	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học....	Viên chức quản lý	22 năm	03 năm	4.65	V.07.03.09			x	Chứng chỉ UDCNT T cơ bản	Chứng chỉ C	CSTD cấp cơ sở năm học				T.Anh	
2	Nguyễn Văn B	20/11/1978		CGV	Trường Tiểu học....	GV	16 năm	03 năm	3.99	V.07.03.09			x	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B1	CSTD cấp TP năm 2018 GV dạy giỏi cấp TP		x			
3																					

Danh sách này có.....người

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

....., ngày tháng năm 2020

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III LÊN HẠNG II

(Kèm theo Công văn số 75 /SGDDT-ITCCB ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Sở GD&ĐT)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc hạng CDNN tương đương	Thời gian giữ CDNN Giáo viên tiểu học hạng III	Mức lương hiện			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của				Được miễn thi			Ghi chú
		Nam	Nữ						Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng GV tiểu học hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	CSTD cấp cơ sở/GV dạy giỏi/TPT giỏi cấp huyện trở lên	Tin học	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Nguyễn Thị A		09/01/1973	Phó hiệu trưởng	Trường TH....	Viên chức quản lý	22 năm	03 năm	4,65	V.07.03.08		x	Chứng chỉ UDCNTT cơ bản	Chứng chỉ C	CSTD cấp cơ sở năm học 2013-2014			T.Anh	
2	Nguyễn Văn B	20/11/1978		CGV	Trường TH....	GV	16 năm	03 năm	3,99	V.07.03.08		x	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B1	CSTD cấp TP năm 2018 GV dạy giỏi cấp TP		x		
3																			

Danh sách này có.....người
NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

....., ngày tháng năm 2020
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH CÁC CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG
 CHỨC DANH NGHIỆP TỪ GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ HẠNG III LÊN HẠNG II
 (Nghị định 88/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác làm việc	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc hạng CDNN tương đương	Thời gian giữ CDNN Giáo viên THCS hạng III	Mức lương hiện hưởng				Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ						Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THCS hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	CSTĐ cấp cơ sở/GV dạy giỏi/GVCN giỏi/TPT giỏi cấp trường trở lên	Tin học	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Nguyễn Thị A		09/01/1973	Phó hiệu trưởng	Trường THCS	Viên chức quản lý	22 năm	03 năm		V.07.04.12		x	Chứng chỉ UDCNTT cơ bản	Chứng chỉ C	CSTĐ cấp cơ sở năm học 2013-2014			T.Anh	
2	Nguyễn Văn B	20/11/1978		CGV	Trường THCS	GV	16 năm	03 năm		V.07.04.12		x	Chứng chỉ B	Chứng chỉ BI	CSTĐ cấp TP năm 2018 GV dạy giỏi cấp TP		x		
3																			

Danh sách này có.....người

..... ngày tháng năm 2020

CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
Từ giáo viên Mầm non hoặc Tiểu học hoặc THCS hạng... lên hạng....

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;
- Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên.

Tên tôi là: *(chữ in hoa)*..... Nam (nữ).....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi ở hiện nay:

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Trình độ Tin học:.....

Trình độ Ngoại ngữ:.....

Ngày tháng năm được tuyển dụng:.....

Chức danh nghề nghiệp giáo viên hiện nay:.....Mã số:.....

Thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hiện nay:.....

Hệ số lương hiện hưởng:.....ngày tháng năm được hưởng.....

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập, tôi có đủ điều kiện và tiêu chuẩn để đăng ký dự thi thăng hạng nghề nghiệp giáo viên.....từ hạng.....lên hạng...

Tôi làm đơn này kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng xem xét cho tôi được dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

.....ngày tháng năm 2020

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2

Mẫu SYLLVC ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý viên chức.....

Số hiệu viên chức:

Cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

Ảnh màu
(4 x 6
cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
- 2) Tên gọi khác:.....
- 3) Sinh ngày: ...tháng...năm...., Giới tính (nam, nữ):
4. Nơi sinh: Xã, Huyện....., Tỉnh
- 5) Quê quán: Xã, Huyện....., Tỉnh
- 6) Dân tộc:, 7) Tôn giáo:
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:
- 11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng:
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại:
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
- 13) Công việc chính được giao:
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:Mã số:
Bậc lương:....., Hệ số:....., Ngày hưởng:/...../....., Phụ cấp chức vụ:.....
Phụ cấp khác:.....
- 15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):
- 15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:
(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
- 15.3- Lý luận chính trị:15.4- Quản lý nhà nước:.....
(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên

chính, chuyên viên, cán sự,)

15.5- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp:.....

15.6- Ngoại ngữ:15.7- Tin học:.....

(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)

16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: .../.../..., Ngày chính thức:...../...../...

17) Ngày tham gia tổ chức chính trị-xã hội:

(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... và làm việc gì trong tổ chức đó)

18) Ngày nhập ngũ:/...../....., Ngày xuất ngũ:/...../....., Quân hàm cao nhất:

19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất:

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân và ưu tú)

20) Sở trường công tác:

21) Khen thưởng: 22) Kỷ luật:

(Hình thức cao nhất, năm nào)
thức cao nhất, năm nào)

(về đảng, chính quyền, đoàn thể hình

23) Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:..., Cân nặng: kg,
Nhóm máu:

24) Là thương binh hạng: .../....., Là con gia đình chính sách:

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam Dioxin)

25) Số chứng minh nhân dân:Ngày cấp:/...../..... 26) Số sổ BHXH:
.....

27) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN
CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng , năm- Đến tháng , năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
.....		.../... - .../...		

.....		.../...		
....		-	..	...
		.../...		

Ghi chú: Hình thức đào tạo: Chính qui, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng.../ Văn bằng: TSKH, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư

28) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ...
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

29) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC

Tháng/năm									
Mã CDNN/bậc									
Hệ số lương									

30) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HOẶC SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....
.....

Người khai
Tôi xin cam đoan những lời khai trên
đây là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày....tháng.....năm 20.....
**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý
hoặc sử dụng viên chức**
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VIÊN CHỨC

(áp dụng thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức)

- Họ và tên:

(viết chữ in hoa)

- Sinh ngày tháng năm sinh

- Chức vụ:

- Đơn vị công tác:

1. Nhận xét, đánh giá

a) *Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:*

.....
.....
.....
.....

b) *Năng lực chuyên môn:*

Khối lượng, chất lượng, hiệu quả công tác theo chức trách, nhiệm vụ được giao:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

c) *Khả năng đáp ứng các nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên đăng ký dự thi:*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

d) *Kết quả nhận xét, xếp loại viên chức trong 03 năm liên tục gần nhất:*

- Năm 20.....:
- Năm 20.....:
- Năm 20.....:

3. Kết luận

Đối chiếu quy định về tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực, trình độ, chỉ tiêu biên chế được giao, vị trí việc làm của đơn vị và hạng đăng ký dự thi, Chúng tôi nhất trí cử ông (bà) tham dự kỳ thi thăng hạng từ giáo viênhạnglên giáo viên.....hạng.....

....., ngày.....tháng.....năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**LỊCH NHẬN HỒ SƠ THI THẮNG HẠNG GIÁO VIÊN
TẠI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

STT	Quận, huyện	Thời gian	Ghi chú
1	Quận Ngô Quyền, quận Dương Kinh, quận Hồng Bàng, quận Đồ Sơn, huyện Cát Hải	10/02/2020	
2	Huyện Tiên Lãng, huyện Kiến Thụy, quận Hải An	11/02/2020	
3	Quận Lê Chân, huyện An Dương, quận Kiến An, huyện An Lão	12/02/2020	
4	Huyện Vĩnh Bảo	13/02/2020	
5	Huyện Thủy Nguyên	14/02/2020	

Ghi chú: Nếu lịch có thay đổi Sở GD&ĐT sẽ thông báo trực tiếp đến các quận, huyện.

Số: /ĐA-SGDĐT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

ĐỀ ÁN

TỔ CHỨC THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

PHẦN THỨ NHẤT CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Việc xây dựng Đề án tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non, phổ thông công lập ngành Giáo dục và Đào tạo của thành phố Hải Phòng căn cứ theo quy định của Trung ương và văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành, cụ thể như sau:

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

2. Các Nghị định của Chính phủ: Số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

3. Các Thông tư:

- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Các Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ: số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

- Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

4. Công văn số 3125/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 23/7/2019 về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

PHẦN THỨ HAI NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thông qua kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức để đánh giá, lựa chọn đội ngũ viên chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo.

- Động viên, khuyến khích đội ngũ viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo phải bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

1. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non.

1.1. Từ giáo viên mầm non hạng IV, mã số V.07.02.06 lên giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.05;

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và giáo viên (gọi chung là giáo viên) đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV, mã số V.07.02.06 đang giảng dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập, có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV

1.2. Từ giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.05 lên hạng giáo viên mầm non hạng II, mã số V.07.02.04

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và giáo viên (gọi chung là giáo viên) đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.05 đang giảng dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập, có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV

2. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học.

2.1. Từ giáo viên tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09 lên giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.08;

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và giáo viên (gọi chung là giáo viên) đang giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09, đang trực tiếp làm công tác giảng dạy/giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có cấp tiểu học; có đủ tiêu chuẩn của chức danh giáo viên tiểu học hạng III quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

2.2. Từ giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.08 lên giáo viên tiểu học hạng II, mã số V.07.03.07;

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và giáo viên (gọi chung là giáo viên) đang giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.08, đang trực tiếp làm công tác giảng dạy/giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có cấp tiểu học; có đủ tiêu chuẩn của chức danh giáo viên tiểu học hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

3. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở.

3.1. Từ giáo viên trung học cơ sở hạng III, mã số V.07.04.12 lên giáo viên trung học cơ sở hạng II, mã số V.07.04.11;

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và giáo viên (gọi chung là giáo viên) đang giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II, mã số V.07.04.12, đang trực tiếp làm công tác giảng dạy/giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có cấp trung học cơ sở; có đủ tiêu chuẩn của chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

III. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ THI

Viên chức thuộc đối tượng dự thi tại Mục II nêu trên (gọi chung là viên chức) được đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
2. Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự thi.
3. Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ; có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
4. Đang giữ chức danh nghề nghiệp theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi, cụ thể:
 - Đang giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV mã số V.07.02.06 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên mầm non hạng III.

- Đang giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III mã số V.07.02.05 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên mầm non hạng II.

- Đang giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV mã số V.07.03.09 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên tiểu học hạng III.

- Đang giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III mã số V.07.03.08 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên tiểu học hạng II.

- Đang giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III mã số V.07.04.12 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên trung học cơ sở hạng II.

5. Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh giáo viên mầm non hạng III quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên mầm non hạng III.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh giáo viên mầm non hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên mầm non hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh giáo viên tiểu học hạng III quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên tiểu học hạng III.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh giáo viên tiểu học hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên tiểu học hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên trung học cơ sở hạng II.

6. Về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức

Viên chức đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ứng với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi.

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức gồm:

1. Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

2. Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý hoặc sử dụng viên chức;

3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý theo các tiêu chí phân loại đánh giá viên chức ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ quy định tại Điều 26, Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ của viên chức theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

5. Bản sao các quyết định: Tuyển dụng, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, các quyết định lương thể hiện thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của chức danh nghề nghiệp viên chức đăng ký dự thi, quyết định nâng bậc lương gần nhất;

6. Giấy chứng nhận/ Quyết định công nhận thành tích theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên đăng ký dự thi.

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm.

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI

1. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức giáo viên mầm non hạng IV lên hạng III.

a) Môn thi kiến thức chung

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 30 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên dự thi về Luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, những vấn đề cơ bản về cơ sở giáo dục và giáo viên theo cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%

b) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm

- Thời gian thi: 45 phút

- Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng III; trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III; năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng III gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

c) Môn thi Ngoại ngữ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm

2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

d) Môn thi tin học

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

2. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức giáo viên mầm non hạng III lên hạng II.

a) Môn thi kiến thức chung

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên dự thi về Luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, quan điểm, chủ trương và các chỉ đạo của Ngành về cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%

b) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm

- Thời gian thi: 45 phút

- Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng II; trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II; năng lực đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng II gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

c) Môn thi Ngoại ngữ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

d) Môn thi tin học

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

3. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức giáo viên tiểu học hạng IV lên hạng III.

a) Môn thi kiến thức chung

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 30 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên dự thi về Luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, những vấn đề cơ bản về cơ sở giáo dục và giáo viên theo cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%

b) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm

- Thời gian thi: 45 phút

- Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng III; trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III; năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng III gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

c) Môn thi Ngoại ngữ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

d) Môn thi tin học

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

4. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức giáo viên tiểu học hạng III lên hạng II.

a) Môn thi kiến thức chung

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên dự thi về Luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, quan điểm, chủ trương và các chỉ đạo của Ngành về cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%

b) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm

- Thời gian thi: 45 phút

- Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng II; trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II; năng lực đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng II gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

c) Môn thi Ngoại ngữ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

d) Môn thi tin học

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

4. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức giáo viên trung học cơ sở hạng III lên hạng II.

a) Môn thi kiến thức chung

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên dự thi về Luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, quan điểm, chủ trương và các chỉ đạo của Ngành về cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%

b) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm

- Thời gian thi: 45 phút

- Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng II; trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II; năng lực đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng II gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

c) Môn thi Ngoại ngữ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.
- Thời gian thi: 45 phút.
- Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

d) Môn thi tin học

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.
- Thời gian thi: 45 phút.
- Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

VI. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ, MÔN TIN HỌC

1. Miễn thi môn ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

a) Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

- Viên chức tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức thi thăng hạng, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ.

- Giáo viên ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi hoặc ở các trường phổ thông dân tộc nội trú/bán trú, có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền.

- Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

- Có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

- Có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp B1 trở lên theo khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giáo viên từ hạng IV lên hạng III

- Có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm,

TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giáo viên từ hạng III lên hạng II;

b) Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ có quy định thời hạn sử dụng thì việc miễn thi theo quy định tại điểm a nêu trên được tính theo thời hạn ghi trên chứng chỉ và giá trị thời hạn của chứng chỉ đó tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi.

Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ chưa có quy định thời hạn sử dụng thì giá trị của chứng chỉ được chấp nhận cho đến khi có sự thay đổi về quy định thời hạn sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ đó của cơ quan có thẩm quyền.

c) Đối với giáo viên giảng dạy môn ngoại ngữ thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại điểm a) nêu trên phải là ngôn ngữ khác với ngoại ngữ đang giảng ở trình độ tương đương.

2. Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

VII. CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Cách tính điểm: Mỗi bài thi được chấm theo thang điểm 100.

2. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng:

Người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Dự thi đủ các bài thi của các môn thi theo quy định, trừ những môn được miễn thi theo quy định.

- Có số điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên, trừ những môn được miễn thi theo quy định.

- Không bảo lưu kết quả kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

VIII. VỀ SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên mầm non hạng IV lên giáo viên mầm non hạng III: 814 người;

2. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên mầm non hạng III lên giáo viên mầm non hạng II: 709 người;

3. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên tiểu học hạng IV lên giáo viên tiểu học hạng III: 197 người;

4. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên tiểu học hạng III lên giáo viên tiểu học hạng II: 309 người;

5. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên trung học cơ sở hạng III lên giáo viên trung học cơ sở hạng II: 302 người;

Tổng: 2331 người

IX. DỰ KIẾN THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC KỲ THI

1. Thời gian: Từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020
2. Địa điểm: Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hải Phòng.

X. KINH PHÍ

1. Mức thu

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

2. Kinh phí tổ chức kỳ thi

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để cấp bổ sung nguồn kinh phí.

PHẦN THỨ BA TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập

- Lập danh sách và hồ sơ viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập gửi kèm theo báo cáo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức hiện có lên phòng Giáo dục và Đào tạo quận (huyện).

- Viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo theo quy định được đăng ký dự thi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi.

- Đơn vị cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử dự thi; hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để lưu giữ và quản lý theo quy định.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử viên chức dự thi thăng hạng và viên chức dự thi thăng hạng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự thi thăng hạng. Mọi gian dối, khai man, thiếu trung thực liên quan đến nội dung hồ sơ dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện

- Lập danh sách và hồ sơ viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập gửi kèm theo báo cáo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp

được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức hiện có lên Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo (cơ quan Thường trực Hội đồng thi)

3.1. Chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo; lưu giữ, quản lý hồ sơ của viên chức tham dự kỳ thi.

3.2. Thông báo danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện và không đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

3.3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định:

- Thành lập Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo của thành phố.

- + Số lượng: dự kiến 07 thành viên.

- + Thành phần: Chủ tịch Hội đồng thi là 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và các thành viên còn lại là Lãnh đạo một số sở, ngành thuộc thành phố.

- Thành lập Ban Giám sát kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên chức mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2020 của thành phố.

3.4. Xây dựng dự toán kinh phí tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo của thành phố theo quy định.

3.5. Giúp Hội đồng thi tổ chức thu phí dự thi và sử dụng theo quy định.

3.6. Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành và tương đương, trình Hội đồng thi thành lập các ban, bộ phận giúp việc Hội đồng thi theo quy định.

3.7. Là cơ quan thường trực Hội đồng thi; giúp Hội đồng tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đảm bảo đúng quy định; thực hiện nhiệm vụ liên quan đến việc tổ chức kỳ thi theo sự phân công, chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Hội đồng thi.

3.8. Lưu giữ, quản lý hồ sơ viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo của thành phố đảm bảo đúng quy định.

4. Trách nhiệm của sở, ngành có liên quan

4.1. *Sở Nội vụ:* Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Đề án, Kế hoạch, quyết định thành lập Hội đồng thi, Ban Giám sát, danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập

ngành giáo dục và đào tạo của thành phố và các văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác tổ chức kỳ thi theo quy định.

4.2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra dự toán, bố trí nguồn kinh phí, hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí phục vụ kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo của thành phố theo quy định.

4.3. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo của thành phố theo quy định khi có yêu cầu.

Trên đây là Đề án tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập ngành giáo dục và đào tạo của thành phố Hải Phòng.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TTTU;
- CT, PCT TT N.X.Bình;
- Sở Nội vụ;
- UBND quận, huyện;
- Phòng GD&ĐT quận, huyện;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Tiến